

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ - ST

Ngày 19-11-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Duy Cường

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1986 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2021, bản tự khai ngày 05/7/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Trần Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2011 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống. Anh T1 không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình mà chơi bời, bài bạc dẫn đến nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị cũng như hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Tháng 01/2019 chị đã về nhà ngoại ở cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị không có thai nghén. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T1.

- Về con chung: Chị N và anh T1 có 2 con chung là Trần Ngọc Hà N1, sinh ngày 31/01/2012 và Trần Hoàng N2, sinh ngày 20/9/2015. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cháu Trần Ngọc Hà N1, anh T1 nuôi cháu Trần Hoàng N2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu Trần Ngọc Hà N1 xin được ở cùng mẹ.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 và xin được nuôi cháu N1; chị đề nghị giao cháu N2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

** Tại bản tự khai ngày 05/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu dẫn đến kết hôn cũng như thời điểm phát sinh mâu thuẫn, anh thống nhất như chị N đã trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh trình bày như sau: Do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi nhau. Anh thừa nhận có thời gian anh chơi bời, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nhưng 1 năm lại đây anh đã thay đổi, tu chí làm ăn để lo cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid - 19 anh không đi làm được, ở nhà vợ chồng lại xảy ra nhiều mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên xin được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị N cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị N có 2 con chung như chị N trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, anh xin được nuôi cháu Trần Hoàng N2, chị N nuôi cháu Trần Ngọc Hà N1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Nếu phải ly hôn, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự là chị N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh T1 không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị N được ly hôn anh Trần Văn T1. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Hà N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Hoàng N2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị N, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị N xin được ly hôn anh Trần Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị N và anh Trần Văn T1 dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, có thời gian anh T1 không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng đã sống ly thân. Sự việc xảy ra đã được hai bên gia đình giàn xếp nhưng không đạt kết quả. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh T1. Về phía anh T1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng anh không đưa ra được giải pháp để khắc phục mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn

xảy ra thì mỗi người một nơi. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T1 có 2 con chung là Trần Ngọc Hà N1, sinh ngày 31/01/2012 và Trần Hoàng N2, sinh ngày 20/9/2015. Nguyên vọng của chị N xin nuôi cháu N1. Về phía anh T1 nếu ly hôn, anh nuôi cháu N2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy nguyên vọng của chị N, anh T1 về nuôi con khi ly hôn là phù hợp nên giao cháu Trần Ngọc Hà N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Hoàng N2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị N khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Trần Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Hà N1, sinh ngày 31/01/2012 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Hoàng N2, sinh ngày 20/9/2015 cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N và anh T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002426 ngày 23/6/2021, chấp nhận chị Ngọc đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị N, vắng mặt anh T1. Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh

T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã T, H. C;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tình